

QUYẾT ĐỊNH
Công bố hiện trạng rừng tỉnh Trà Vinh năm 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 69/TTr-SNN ngày 22 tháng 02 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố hiện trạng rừng tỉnh Trà Vinh năm 2023, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Số liệu diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh là 23.984,53 ha, bao gồm:

a) Diện tích quy hoạch phát triển rừng là 12.256,13 ha, trong đó:

- Diện tích có rừng: 9.620,48 ha; trong đó, rừng tự nhiên: 2.955,28 ha và rừng trồng: 6.665,20 ha (*rừng trồng đã thành rừng: 6.629,70 ha và rừng trồng chưa thành rừng: 35,50 ha*). Chia theo loại rừng: Rừng phòng hộ: 5.404,36 ha, rừng sản xuất: 3.790,72 ha, rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng: 425,40 ha.

- Diện tích đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp: 2.657,04 ha;

b) Diện tích đất khác (nông nghiệp, thủy sản) là 11.728,40 ha;

c) Độ che phủ rừng là 4,10%.

(Chi tiết tại các Biểu số 01, Biểu số 02, Biểu số 03, Biểu số 04 và Phụ biểu đính kèm)

2. Cơ sở dữ liệu diễn biến rừng: Toàn bộ số liệu, bản đồ diễn biến rừng được lưu trong phần mềm cơ sở dữ liệu diễn biến rừng và đất lâm nghiệp do Cục Lâm nghiệp ban hành, chi tiết đến lô trạng thái và chủ rừng.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm công khai và cung cấp thông tin hiện trạng rừng năm 2023 trên địa bàn tỉnh để thống nhất khai thác, sử dụng; triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về độ tin cậy, tính chính xác của kết quả kiểm tra, đánh giá mức độ đầy đủ thông tin, tài liệu, số liệu, cơ sở dữ liệu, kết quả hiện trạng rừng năm 2023 trên địa bàn tỉnh. Thực hiện việc quản lý, lưu trữ hồ sơ, cơ sở dữ liệu rừng trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thống kê và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa kết quả thống kê diện tích đất đai với kết quả theo dõi diễn biến rừng hàng năm đúng theo quy định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm công khai và cung cấp thông tin, kết quả hiện trạng rừng năm 2023 trên địa bàn để các tổ chức, cá nhân thống nhất sử dụng; thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp theo Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017; tổ chức quản lý, bảo vệ rừng, sử dụng đất lâm nghiệp theo quy định, số liệu hiện trạng rừng năm 2023 là cơ sở để lập kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng và theo dõi diễn biến rừng năm tiếp theo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Trung Hoàng